

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG ĐÁP ỨNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

Nguyễn Quốc Phong

Trường THPT Chuyên Nguyễn Thiện Thành, tỉnh Trà Vinh

Tóm tắt. Đáp ứng xu thế phát triển của giáo dục và đào tạo, các trường trung học phổ thông chuyên trong đó có Chuyên Nguyễn Thiện Thành từng bước cải thiện chất lượng giáo dục, góp phần đưa chất lượng giáo dục Đồng bằng sông Cửu Long thoát khỏi tình trạng “vùng trũng” trong cả nước. Theo đó, mục tiêu phát triển năng lực học sinh để các em tiếp tục học lên chương trình tiên tiến bậc đại học trong nước và quốc tế, có khả năng thích ứng trong bối cảnh toàn cầu hoá và cuộc cách mạng công nghiệp mới là vấn đề cốt thiết trong sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của trường trung học phổ thông chuyên. Trên cơ sở lí luận và thực tiễn được khảo sát tại 5 trường trung học phổ thông chuyên của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long bằng phương pháp thu thập và xử lí thông tin, chúng tôi tiến hành phân tích những nguyên tắc và đề xuất những giải pháp hiệu quả để phát triển chương trình nhà trường theo định hướng phát triển năng lực học sinh trung học phổ thông chuyên. Kết quả nghiên cứu cho thấy những giải pháp đề xuất đã góp phần thay đổi diện mạo trường Trung học phổ thông Chuyên Nguyễn Thiện Thành. Những giải pháp này vừa có ý nghĩa thời sự vừa có ý nghĩa lâu dài.

Từ khóa: trung học phổ thông chuyên, nguyên tắc, giải pháp, chương trình nhà trường, năng lực.

1. Mở đầu

Năm học 2022 – 2023 là cột mốc quan trọng trong đổi mới Chương trình (CT) giáo dục phổ thông (GDPT) cấp trung học phổ thông (THPT) đối với lớp 10. Bối cảnh này mở ra cơ hội nhưng cũng không ít thách thức đối với lãnh đạo của trường THPT chuyên. Do trường “THPT chuyên là hình mẫu của các trường THPT về cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo và tổ chức các hoạt động giáo dục” [1] nên việc chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong phát triển CTNT nhằm phát triển năng lực HS THPT chuyên đặt ra nhiều thử thách cho lãnh đạo nhà trường (LĐTN) như hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng chuyên trách (sau đây gọi chung là LĐTN).

Phát triển chương trình nhà trường (CTNT) để phát triển năng lực HS chuyên/ năng khiếu (sau đây gọi chung là HS chuyên) được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu: *The gifted student in science: Fulfilling potential* (2003) [2]; *Introduction to curriculum for gifted and talented students: A 25-year retrospective and prospective. In Curriculum for gifted and talented students* (2004) [3], *School-based Curriculum Development: Principles, Process, and Practices* (2004) [4], *Developing curriculum standards for Filipino gifted students in science* (2014) [5], *A Proposed Model and Framework for Developing a Curriculum for the Gifted in the Philippines* (2018) [6], *Tổng quan các công trình nghiên cứu về phát triển chương trình nhà trường* (2014) [7], *Quản lí chương trình giáo dục trung học phổ thông theo định hướng năng lực* (2015) [8]...

Ngày nhận bài: 21/2/2023. Ngày sửa bài: 22/3/2023. Ngày nhận đăng: 10/4/2023.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Quốc Phong. Địa chỉ email: phongtptv2023@gmail.com

Tuy nhiên, trong thực tế, việc xác định các nguyên tắc và đề xuất giải pháp hiệu quả để phát triển CTNT nhằm phát triển NL HS THPT chuyên vẫn còn một khoảng trống. Để làm sáng tỏ thêm một tiền đề lí luận cho việc xây dựng CTNT đối với loại hình trường THPT chuyên, bài viết này đi sâu vào việc thiết lập các nguyên tắc và đề xuất giải pháp hiệu quả để xây dựng CTNT nhằm phát triển NL HS THPT chuyên.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng xây dựng chương trình nhà trường nhằm phát triển năng lực học sinh trung học phổ thông chuyên

Thuật ngữ “Phát triển Chương trình nhà trường” (school-based Curriculum Development) xuất hiện vào đầu những năm 90 của thế kỉ XX [4] và phát triển mạnh ở Việt Nam khi CT GDPT 2018 được phác thảo từ năm 2015. Đã xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về phát triển CTNT với những định nghĩa theo nhiều cách khác nhau. Đồng thời các công trình này cũng cung cấp nhiều luận cứ củng cố các định nghĩa đó.

Theo đó, Skilbeck quan niệm rằng: “Phát triển CTNT là việc một cơ sở giáo dục lập kế hoạch, thiết kế, thực thi và đánh giá CT học tập của HS trường mình” [9;48]. Đồng tình với định nghĩa của Skilbeck, với Trần Trọng Hà (2015), CTNT được hiểu là “CT do nhà trường phát triển dựa trên CT quốc gia nhưng có điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với đối tượng HS, điều kiện, hoàn cảnh của nhà trường” [8;2]. Tổng thuật các công trình nghiên cứu về phát triển CTNT, Bezzina mở rộng nội hàm của khái niệm này. Tác giả cho rằng: “Phát triển CTNT là một quá trình trong đó một số hay toàn thể các thành viên trong trường lập kế hoạch, thực thi và/hoặc đánh giá một hay nhiều khía cạnh trong CT mà nhà trường đang sử dụng. Đó có thể là sự điều chỉnh CT hiện có, chấp nhận không thay đổi, hoặc sáng tạo một CT mới. Phát triển CTNT là một nỗ lực tập thể trong khuôn khổ một CT khung được thừa nhận mà không bị ngăn trở bởi bất kì nỗ lực cá nhân của các giáo viên (GV) hay nhà quản lí khác” [7;13-14].

Howard Gardner (1983) với lí thuyết Đa trí tuệ, đã chỉ ra 9 loại Trí thông minh hiện diện trong mỗi cá nhân: (1) Trí thông minh ngôn ngữ, (2) Trí thông minh logic – Toán học, (3) Trí thông minh không gian - thị giác, (4) Trí thông minh âm nhạc, (5) Trí thông minh vận động thể chất, (6) Trí thông minh xã hội - giao tiếp, (7) Trí thông minh nội tâm, (8) Trí thông minh thiên nhiên, (9) Trí thông minh hiện sinh – triết học. Nhiều trường THPT chuyên ngày nay coi các loại trí thông minh này như những lĩnh vực năng khiếu. Do vậy, trường THPT chuyên “có một vai trò đặc biệt trong việc phát triển và nuôi dưỡng những món quà này” [6;120]. Xuất phát từ thực tế trong các hoạt động giáo dục, có thể thấy rằng: “Các GV tin rằng trường học của họ không biết phải làm gì với những HS năng khiếu và họ đang thiếu các kế hoạch chiến lược và ý tưởng sáng tạo. Các GV cho rằng tài năng của HS sẽ bị lãng phí” [10;244]. Taber (2007) khuyến khích các nhà giáo dục trong giáo dục HS chuyên năng cần nghiên cứu cẩn thận đặc điểm, tính chất, nhu cầu của HS chuyên bởi “Điều này rất quan trọng trong xây dựng CT đào tạo chuyên. Bản chất của HS chuyên đòi hỏi một CT giảng dạy đặc biệt với các hoạt động đầy thách thức đầy mạnh mẽ năng nhận thức. Do vậy, việc phát triển CTNT đóng vai trò quan trọng vai trò trung tâm để HS phát triển được tuy duy độc lập, có tư tưởng sáng tạo, giàu trí tưởng tượng” [6;121].

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục hiện nay, sứ mệnh của trường THPT chuyên không còn đơn thuần là truyền đạt kiến thức (*Teaching as Transmission*) nữa, mà quan trọng hơn cần chú trọng việc tương tác trao đổi để tạo ra kiến thức mới (*Teaching as Transaction*) và sự thay đổi (*Teaching as Transformation*) [11]. Vì thế, phát triển CTNT có vai trò quan trọng trong công tác lãnh đạo, quản lí tại trường THPT chuyên. Thứ nhất, CTNT là một đường dẫn giúp LĐTNT sử dụng các nguồn lực một cách có hiệu quả để cụ thể hóa mục tiêu, sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của đơn vị. Thứ hai, CTNT còn là căn cứ để nhà trường tổ chức đánh giá hoạt động giáo dục

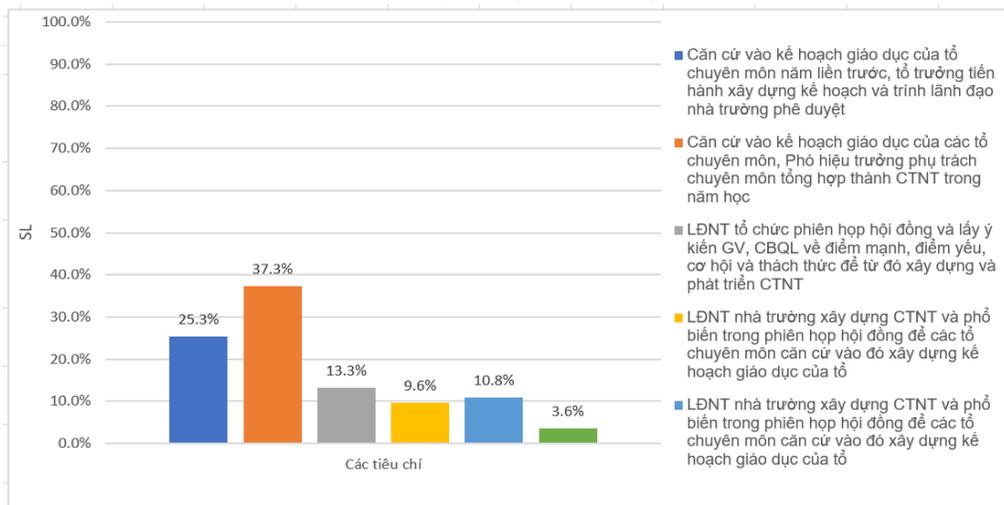
của đơn vị, là cơ sở phối hợp hành động giữa các GV và nhà trường, là cơ sở thống nhất hành động trong tập thể đơn vị. *Thứ ba*, CTNT giúp LĐNT quản lí sự thay đổi một cách hiệu quả, nhất là trong bối cảnh thực hiện giao thoa CT GDPT 2006 và CT GDPT 2018 như hiện nay. Từ đó, tìm phương án ứng phó với những bất định và những thay đổi đó một cách linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả. *Thứ tư*, là kết quả của sự bàn thảo, tiếng nói chung của tập thể, CTNT giúp LĐNT đẩy mạnh tinh thần dân chủ hoá giáo dục và dân chủ hoá quản lí nhà trường một cách có hiệu quả. *Thứ năm*, CTNT chính là thang có thể đo được tầm nhìn (cái nhìn tổng quan về hệ thống), năng lực lãnh đạo/quản lí (phong cách làm việc chủ động và tự tin) của LĐNT. Có thể nói, CTNT là căn cứ quan trọng để thực hiện kiểm tra, đánh giá trong và ngoài nhà trường.

2.2. Tổ chức nghiên cứu thực trạng xây dựng chương trình nhà trường nhằm phát triển năng lực học sinh trung học phổ thông chuyên

Qua thực tiễn quản lí hoạt động giáo dục tại các trường THPT chuyên, chúng tôi nhận thấy rằng CTNT là sự “*tổng hợp một cách cơ học*” kế hoạch giáo dục của các tổ/bộ phận chuyên môn tại đơn vị. Đây cũng là một hình thức kết nối trí tuệ tập thể, giao quyền tự chủ cho các tổ/bộ phận chuyên môn, khuyến khích sự sáng tạo, đột phá của cá nhân/ tập thể khi thực hiện hoạt động giáo dục tại đơn vị. Tuy nhiên, đây là quy trình ngược, khiến cho tầm nhìn lãnh đạo của hiệu trưởng, quản lí của các phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn mờ nhạt. Do vậy, LĐNT luôn bị đặt vào tình thế bị động, chủ yếu tập trung vào “quản” các hoạt động giáo dục “tự phát” của các tổ/bộ phận chuyên môn thay vì phân tích SWOT của đơn vị từ đó nắm bắt, thích ứng với sự thay đổi để phát triển CTNT nhằm thúc đẩy sự phát triển chung của đơn vị, của ngành.

Để có cái nhìn khách quan về việc phát triển CTNT tại các trường THPT chuyên ở Đồng bằng sông Cửu Long, chúng tôi tiến hành trưng cầu ý kiến GV, cán bộ quản lí (CBQL) tại 5 điểm trường tại đây. Số phiếu phát ra là 90 và số phiếu thu vào là 86 trong đó số phiếu hợp lệ là 83.

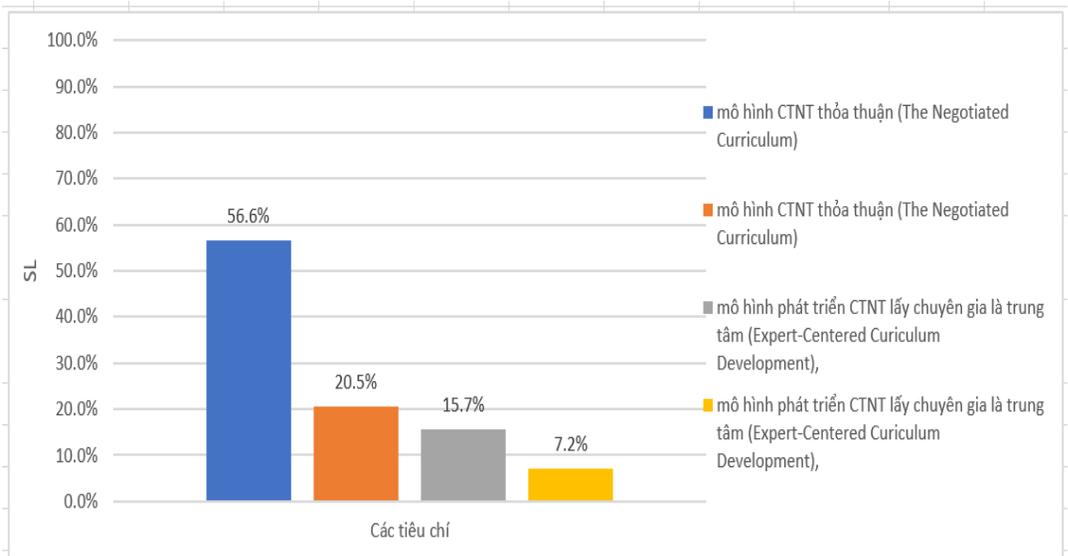
Với câu hỏi: “*Quy trình phát triển CTNT tại đơn vị của thầy/cô được thực hiện như thế nào?*”, chúng tôi thu nhận được kết quả như sau: Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn năm liền trước, tổ trưởng tiến hành xây dựng kế hoạch và trình lãnh đạo nhà trường phê duyệt (25,3%); Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của các tổ chuyên môn, Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn tổng hợp thành CTNT trong năm học (37,3%); LĐNT tổ chức phiên họp hội đồng và lấy ý kiến GV, CBQL về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức để từ đó xây dựng và phát triển CTNT (13,3%); LĐNT nhà trường xây dựng CTNT và phổ biến trong phiên họp hội đồng để các tổ chuyên môn căn cứ vào đó xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ (10,8%); LĐNT nhà trường xây dựng CTNT và phổ biến trong phiên họp hội đồng để các tổ chuyên môn căn cứ vào đó xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ (9,6%).



Hình 1. Quy trình phát triển CTNT tại các trường THPT chuyên Đồng bằng sông Cửu Long

Điều đáng chú ý ở đây là, chỉ có 10,8% người tham gia khảo sát cho xác nhận LĐT phân tích SWOT, phác thảo CTNT, lấy ý kiến toàn trường, hoàn thiện và ban hành. Trên cơ sở đó, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ. Thậm chí có một số nơi LĐT không xây dựng CTNT mà cho phép các tổ chuyên môn chỉnh sửa kế hoạch giáo dục của năm học liền trước và tổ chức thực hiện. Mặc dù trường hợp này chỉ chiếm 3.6% nhưng rõ ràng đây là con số biết nói. Vì LĐT phải thể hiện được vai trò đầu tàu, phải có tầm nhìn chiến lược và cụ thể hóa tầm nhìn đó bằng CTNT cụ thể, khả thi và cải tiến từng bước để định hướng phát triển cho nhà trường trong tương lai. Điều này đồng nghĩa với việc LĐT chưa xác định rõ vị trí chiến lược, xác định các mục tiêu ưu tiên, xây dựng kế hoạch, triển khai kế hoạch chiến lược, theo dõi và đánh giá chiến lược.

Với câu hỏi: “*Theo thầy/cô, mô hình nào sau đây phù hợp với chiến lược phát triển CTNT tại đơn vị của thầy/cô?*”, kết quả chúng tôi thu được như sau: Có đến 47/83 GV chọn mô hình CTNT thỏa thuận (The Negotiated Curriculum), chiếm 56,7%; 17/83 GV chọn mô hình phát triển CTNT có tư vấn của các chuyên gia (Curriculum Development Through Consultation With Specialists), chiếm 20,4%; 13/83 chọn mô hình phát triển CTNT lấy chuyên gia là trung tâm (Expert-Centered Curriculum Development), chiếm 15,7%; mô hình phát triển CTNT có tư vấn từ bên trong (Curriculum Development Though Consultation With Iniders) có tỉ lệ lựa chọn thấp nhất là 6/83, chiếm 7,2%.

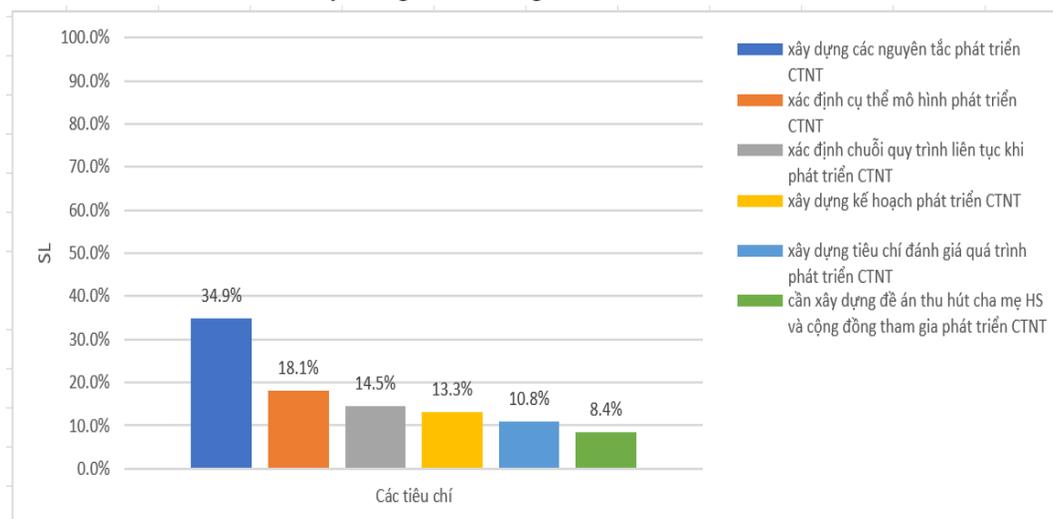


Hình 2. Mô hình phát triển CTNT

Kết quả khảo sát cho thấy, mô hình CTNT thỏa thuận đáp ứng được mong đợi của GV trường THPT chuyên. Với mô hình này, tinh thần cộng đồng trách nhiệm sẽ được lan tỏa trong hội đồng sư phạm nhà trường. Mỗi thành viên sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại đơn vị qua việc cụ thể hóa CTNT với từng nhiệm vụ được phân công trong năm học. Khi tìm thấy tiếng nói chung, trí tuệ tập thể sẽ lớn mạnh, tinh thần đoàn kết giúp LĐT vận hành bộ máy lãnh đạo và quản lý một cách nhẹ nhàng nhưng vô cùng hiệu quả. Kết quả khảo sát không khuyến nghị nhà trường lấy ý kiến từ chuyên gia để xây dựng CTNT vì, xét đến cùng, ý kiến chuyên gia cũng chỉ là cơ sở lí luận. Trong khi đó, thực tiễn đơn vị mà mỗi thành viên của nhà trường nắm rất sâu sát sẽ có giá trị nền tảng giúp cho việc xây dựng CTNT vừa đáp ứng thực tiễn tại đơn vị vừa hướng đến mục tiêu xa hơn trong tương lai.

Với câu hỏi: “*Những thuận lợi và khó khăn khi phát triển CTNT tại đơn vị của thầy/cô là gì?*”, chúng tôi ghi nhận những thông tin như sau: *Về thuận lợi:* GV chỉ cần căn cứ vào kế hoạch

giáo dục do tổ trưởng xây dựng thực hiện; GV được làm việc với các thành viên khác cùng phát triển CT cho một hay một vài môn học cụ thể tại đơn vị. Việc phát triển CTNT giúp thay đổi nhận thức của GV, đây là một cách hỗ trợ hữu hiệu cho thiết kế các hoạt động dạy học. *Về khó khăn:* GV được hỏi nhận thấy chưa có cơ hội hợp tác với GV các trường chuyên khác để cùng cùng phát triển CTNT cho HS chuyên của đơn vị mình. GV được yêu cầu xây dựng CTNT riêng cho nhóm các HS có nhu cầu đặc biệt. Đặc biệt, khó khăn lớn nhất là CTNT được LĐTNT gửi đến các tổ chuyên môn sau khi các tổ đã xây dựng kế hoạch giáo dục tổ.



Hình 3. Các giải pháp giáo viên đề xuất để phát triển CTNT

Kết quả khảo sát cho thấy một bức tranh chung về thực trạng xây dựng CTNT ở một số trường THPT chuyên khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Đa phần CTNT chỉ là “bản tổng hợp cơ học” kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và vì thế CTNT lại đi sau kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn. Điều này dẫn đến 2 hệ lụy: *Một là*, LĐTNT hoàn toàn bị động với kế hoạch chiến lược hay đề án phát triển trường chuyên. *Hai là*, sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của trường chuyên lẽ ra phải trở thành nền móng để từ đó LĐTNT xây dựng CTNT và các tổ chuyên môn căn cứ vào đó cùng với thực tế hoạt động của tổ mà xây dựng kế hoạch giáo dục. Thực tế cho thấy, các trường THPT có đẩy mạnh hợp tác, giao lưu nhưng dường như “*bình mới rượu cũ*”, có hợp tác, có trao đổi nhưng quy trình và hiệu quả của việc xây dựng CTNT vẫn chưa biến đổi/thay đổi theo hướng tích cực.

Với câu hỏi: “*Theo thầy cô, để phát triển CTNT một cách hiệu quả, cần có những giải pháp nào?*”, chúng tôi thu được kết quả như sau: Có 35% GV lựa chọn xây dựng các nguyên tắc phát triển CTNT; có 18,1% GV lựa chọn xác định cụ thể mô hình phát triển CTNT; có 14,5% GV lựa chọn xác định chuỗi quy trình liên tục khi phát triển CTNT; 13,3% GV lựa chọn xây dựng kế hoạch phát triển CTNT; 10,8% GV lựa chọn xây dựng tiêu chí đánh giá quá trình phát triển CTNT; trong khi đó chỉ có 8,4% GV cho rằng cần xây dựng đề án thu hút cha mẹ HS và cộng đồng tham gia phát triển CTNT.

Tam giác gia đình – nhà trường – xã hội nhân mạnh đến vai trò tương hỗ của 3 yếu tố này trong chiến lược phát triển trường THPT chuyên. Tuy nhiên, thực tế từ kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy chỉ có 8.4% người tham gia khảo sát đồng tình với giải pháp xây dựng đề án thu hút cha mẹ HS và cộng đồng tham gia để phát triển CTNT. Mục tiêu của trường THPT là giáo dục kỹ năng sống, giáo dục kiến thức và giáo dục giá trị. Để đạt được các mục tiêu này, không thể thiếu vai trò cộng hưởng của 3 yếu tố gia đình – nhà trường – xã hội.

2.3. Nguyên tắc và giải pháp phát triển chương trình nhà trường để phát triển năng lực học sinh trung học phổ thông chuyên

2.3.1. Nguyên tắc xây dựng chương trình nhà trường

Sau khi phân tích kết quả khảo sát ở 5 trường THPT chuyên, chúng tôi nhận thấy để phát triển CTNT một cách hiệu quả, đáp ứng bối cảnh đổi mới căn bản toàn diện của CT GDPT chuyên sâu 2018 đối với trường THPT chuyên, CTNT cần đảm bảo 4 nguyên tắc sau đây:

Thứ nhất, đảm bảo tính logic của mạch kiến thức, tính thống nhất giữa của các môn học, đặc biệt là các môn chuyên và các hoạt động giáo dục. NL HS được thể hiện qua các kỹ năng kiến tạo và vận dụng tri thức để giải quyết vấn đề được đặt ra từ thực tiễn và môn học nào cũng hướng đến mục tiêu này. Vậy nên, CTNT phải mang tính hệ thống, đảm bảo tính thống nhất, tránh sự chòng chéo, trùng lặp giữa các môn học cũng như các hoạt động giáo dục của nhà trường. Đây là “cơ sở quan trọng để xây dựng CT theo định hướng phát triển NL là hoạt động vì dạy học dựa trên các hoạt động nhằm khắc phục sự thụ động và đơn điệu trong học tập cũng như khắc phục sự tách rời khỏi nhu cầu và các mối quan tâm của HS” [12;6]. Điều này tránh được sự quá tải, nhàm chán đối với HS; qua đó đẩy mạnh mục tiêu tích hợp liên môn trong CTNT.

Thứ hai, đảm bảo tổng thời lượng của các môn học, đặc biệt là các môn chuyên và các hoạt động giáo dục trong năm học. Với mục tiêu phát triển NL, bồi dưỡng HS giỏi đáp ứng mục tiêu thi chọn HS giỏi các cấp, mỗi tổ bộ môn đều mong muốn được “co giãn thời lượng” theo hướng có lợi nhất cho bộ môn mình. Do vậy, LĐNT cần phải có nghệ thuật phát triển CTNT một cách hài hòa, vừa đáp ứng mục tiêu môn học vừa đảm bảo tổng thời lượng dành cho mỗi môn học nhưng vẫn đạt được mục tiêu mũi nhọn tổng thể của trường chuyên. LĐNT hằng năm cần chỉ đạo các tổ chuyên môn điều chỉnh cấu trúc nội dung dạy học trong CT hiện hành và xây dựng kế hoạch giáo dục mới ở từng môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường; đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục theo định hướng phát triển NL HS và đổi mới quản lý hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục nhằm nâng cao hiệu quả phát triển CTNT.

Thứ ba, đảm bảo tính khả thi thông qua việc phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý giáo dục. CTNT là sự cụ thể hóa CT GDPT 2018 đối với các môn học, đặc biệt là môn chuyên. Vì thế, việc phát triển CTNT một mặt đáp ứng bối cảnh đặc thù của nhà trường với sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, mặt khác phải đảm bảo khung kế hoạch thời gian năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo. Nếu nhà trường “co giãn thời gian hay linh hoạt các mạch kiến thức đáp ứng các kì thi HS giỏi” thì phải thể hiện rõ trong chiến lược phát triển CTNT để các cơ quan quản lý có cơ sở chỉ đạo thực hiện, kiểm tra tiến độ, thúc đẩy và đánh giá ngoài nhà trường.

Thứ tư, đảm bảo nâng cao kết quả thực hiện mục tiêu giáo dục của CT GDPT 2018 chuyên sâu với các môn học, đặc biệt là các môn chuyên. Nội hàm thuật ngữ phát triển CTNT hướng đến tính chủ động, linh hoạt và sáng tạo, đột phá của đơn vị nhưng phải xuất phát từ mục tiêu này để “đảm bảo chuẩn kiến thức bậc học, đảm bảo tính cập nhật và hiện đại và đảm bảo các quy tắc, quá trình dạy học” nhất là đối với các môn chuyên [13, 2011]. Tuy nhiên, thực tế phát triển CTNT đặt ra vấn đề về việc “xé rào” đối với các môn chuyên ở các trường THPT được khảo sát. Điều này dẫn đến độ lệch, khoảng trống lớn trong việc đáp ứng mục tiêu của CT GDPT 2018 và mục tiêu thi HS giỏi các cấp, đặc biệt là kì thi chọn HSG quốc gia hằng năm tại đơn vị.

2.3.2. Giải pháp phát triển chương trình nhà trường

Từ năm 1966, hệ thống THPT chuyên được lập ra, bắt đầu với những lớp chuyên Toán tại các trường đại học lớn về khoa học cơ bản, sau đó các trường chuyên được thiết lập rộng rãi tại tất cả các tỉnh thành. Hệ thống trường THPT chuyên ở Việt Nam bao gồm 2 hệ: các trường chuyên trực thuộc các trường đại học (trước đây là các trường chuyên cấp quốc gia) và các trường chuyên của tỉnh. Tính đến thời điểm này, đối sánh với bối cảnh giáo dục của Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung, chiến lược phát triển CTNT tại các trường THPT

khu vực Đồng bằng sông Cửu Long bước đầu đã có những chuyển biến tích cực. Điều này xuất phát từ những giải pháp mà các LĐTNT đã ghi nhận từ những đóng góp của cá nhân và tập thể.

Tuy nhiên, xuất phát từ cơ sở lí luận, cơ sở thực tiễn và bối cảnh đặc thù của các trường THPT chuyên được khảo sát, những giải pháp sau đây cần được phối kết hợp một cách linh hoạt, sáng tạo nhằm góp phần hoàn thiện CTNT theo mục tiêu phát triển NL HS THPT chuyên, đáp ứng mục tiêu của CT chuyên sâu 2018. Cụ thể là:

Một là, xây dựng bộ nguyên tắc phát triển CTNT và triển khai rộng rãi trong toàn trường. Đây chính là cơ sở quan trọng cho việc xây dựng và phát triển CTNT đáp ứng mục tiêu mũi nhọn của loại hình trường THPT chuyên.

Hai là, phân tích cấu trúc SWOT để lựa chọn mô hình phát triển CTNT phù hợp. Từ đó, phát triển CT chuyên sâu vì “nhưng những gì thực sự cần thiết cho HS năng khiếu là một CT giảng dạy khác biệt” [13;92]. Một khi xác định được mô hình, LĐTNT sẽ “bắt được” hướng đi và có chiến lược cụ thể trong việc xây dựng, phát triển và hoàn thiện CTNT theo lộ trình dài hơi.

Ba là, tiến hành xây dựng CTNT, lấy ý kiến toàn trường, hoàn thiện và ban hành để các tổ chuyên môn làm căn cứ xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn. CTNT được xem là hiệu quả cần được áp dụng có điều chỉnh liên tục/thường xuyên trong giai đoạn 5 năm để CTNT được phát triển ổn định, bền vững. Điểm cần lưu ý là “CTNT không phải là việc thay đổi toàn bộ cấu trúc nội dung dạy học theo một hướng hoàn toàn mới, cũng không phải là sự cải biến nội dung hiện tại sao cho phù hợp với thời lượng. CTNT là việc xác định mục tiêu dạy học và nội dung dạy học... dựa trên thực trạng đơn vị, đội ngũ GV và thực tế địa phương” [9;46].

Bốn là, thiết kế các tiêu chí đánh giá hiệu quả CTNT và việc triển khai thực hiện CTNT tại đơn vị. Lượng hóa thang điểm/mức điểm cụ thể cho từng tiêu chí. Lượng hóa tần suất và hiệu suất hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục có thể đo lường được. Kết hợp đánh giá định lượng và định tính đối với chiến lược phát triển CTNT. LĐTNT tiến hành đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì CTNT nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển NL HS THPT chuyên bởi “Những HS này khác với những HS đại trà và vì thế CT giáo dục nên được điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu của chúng” [10;243].

Năm là, phân tích SWOT ở từng học kỳ để cải tiến CTNT đáp ứng các nhiệm vụ mũi nhọn của nhà trường theo từng học kì/từng năm học, từng bước đưa nhà trường phát triển, trở thành hình mẫu cho các trường THPT về các hoạt động giáo dục.

Sáu là, phát triển CTNT theo kết cấu vòng lặp nâng cao. Sau một năm thực hiện, căn cứ vào phân tích SWOT trong bối cảnh năm học mới, cải tiến, hoàn thiện CTNT và triển khai thực hiện trong năm học. Điều này đảm bảo tính kế thừa và phát triển của CTNT, tạo được chuỗi phát triển bền vững nhưng sáng tạo và đột phá.

3. Kết luận

“Trường chuyên chỉ mang lại nhiều ích lợi cho giáo dục và đất nước khi nó gắn liền với bản chất mục tiêu của giáo dục: khơi gợi đam mê tìm hiểu kiến thức và trang bị hành trang, kĩ năng cần thiết để cá nhân tự phát triển theo hướng mỗi người lựa chọn” [14]. Điều này đồng nghĩa với mục tiêu phát triển NL người học. Do vậy, phát triển CTNT là bước đi cần thiết trong chiến lược phát triển trường THPT chuyên. “Trong hệ thống trường chuyên biệt thì công việc này còn cần thiết gấp đôi bởi lẽ mục tiêu và nhiệm vụ phát hiện, bồi dưỡng nhân tài trong một bối cảnh cụ thể đòi hỏi cần có một chương trình mở, linh động và hiệu quả” [9;46]. Ngược lại, loại hình trường THPT chuyên có thể sẽ bị “đồng hóa” với các loại hình trường THPT nói chung. Từ những cơ sở lí luận, cơ sở thực tiễn đã được xây dựng, bài báo đã phân tích các nguyên tắc và giải pháp được đề xuất nhằm phát triển CTNT cho loại hình trường THPT chuyên. Tác giả đã phân tích cụ thể các nguyên tắc, giải pháp xây dựng, hoàn thiện và phát triển CTNT. Bài báo tiếp tục mở ra nhiều

định hướng nghiên cứu tiếp theo: CTNT và việc phát triển nghề nghiệp của GV; CTNT và việc nâng cao chất lượng giáo dục tại trường THPT chuyên; CTNT trong mối quan hệ với từng môn học cụ thể; CTNT với việc nâng cao năng lực quản lý cho LĐNT; CTNT trong mối quan hệ với sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của trường THPT chuyên... Chúng tôi sẽ tiếp tục bàn thảo những vấn đề này trong các bài viết tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Quyết định 959/QĐ-TTg, 2010. *Phê duyệt Đề án Phát triển hệ thống trường trung học phổ thông chuyên giai đoạn 2010 – 2020* do Thủ tướng Chính phủ ban hành.
- [2] Watters, James J and Diezmann, Carmel M, 2003. “The gifted student in science: Fulfilling potential”. *Australian Science Teachers Journal*, 49(3): pp.46-53.
- [3] VanTassel-Baska, J., 2004. *Introduction to curriculum for gifted and talented students: A 25-year retrospective and prospective*. In *Curriculum for gifted and talented students*. Thousand Oaks. CA.: Corwin Press
- [4] Rachel, B., 2004. *School-based curriculum development: principles, processes, and practices*. NZCER. ISBN: 1-877293-40-7
- [5] Pawilen, G.T., 2014. *Developing curriculum standards for Filipino gifted students in science*. Unpublished postdoctoral research submitted to the Faculty of Education, Ehime University, Japan.
- [6] Pawilen, G.T., & Manuel, S.J., 2018. “A Proposed Model and Framework for Developing a Curriculum for the Gifted in the Philippines”. *International Journal of Curriculum and Instruction*, 10(2): pp.118-141.
- [7] Nguyễn Đức Chính, 2014. “Tổng quan các công trình nghiên cứu về phát triển chương trình nhà trường”. *Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục*, (04), tr.11-20.
- [8] Trần Trọng Hà, 2015. *Quản lý chương trình giáo dục trung học phổ thông theo định hướng năng lực*. Luận án tiến sĩ. Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản. Hà Nội.
- [9] Huỳnh Vũ Lam, 2019. “Phát triển chương trình nhà trường trong mối liên hệ với dạy học theo chủ đề và nhận thức của giáo viên: Nghiên cứu ở trường chuyên Nguyễn Thị Minh Khai, tỉnh Sóc Trăng”. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 55 (Số chuyên đề: Khoa học Giáo dục): tr.39-46.
- [10] Eva, R., 2015. “Development of gifted education and an overview of gifted education in the USA, Canada, Equator and Mexico”. *Slavonic Pedagogical Studies Journal*, 4(2), pp. 241-247. DOI: 10.18355/PG.2015.4.2.241-247
- [11] Ugur, S., 2004. About Creativity, Giftedness and Teaching the Creatively Gifted in the Classroom. *Roeper Review*, 26(4), pp. 216-222.
- [12] Nguyễn Hữu Châu, 2006. “Đổi mới giáo dục trung học phổ thông”. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (10), tr.5-10.
- [13] Trần Hữu Hoan, 2011. Phát triển Chương trình giáo dục. *Tập bài giảng cho học viên khóa đào tạo chuyên ngành Quản lý giáo dục*. Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội xuất bản. Hà Nội.
- [14] Nguyễn Xuân Khánh, 2020. “Bỏ trường chuyên có giúp ích cho giáo dục?” [<https://vnexpress.net/bo-truong-chuyen-co-giup-ich-cho-giao-duc-4125547.html>] (truy cập ngày 23 tháng 11 năm 2021).

Nguyễn Quốc Phong

ABSTRACT

**Developing school-based curriculum responding
to gifted high school students' competency**

Nguyen Quoc Phong

Nguyen Thien Thanh High School for the Gifted, Tra Vinh Province

Adhering to the development trend of education and training, high schools for the gifted including Gifted Nguyen Thien Thanh have gradually improved the quality of education, contributing to bringing the education quality of the Mekong Delta out of the “low-lying area” the education. Accordingly, the objectives of developing gifted high school students' competency are to support them so that they can continue their studies in advanced national and international university programs and be able to strengthen adaptation in the context of globalization and the new industrial revolution, which is one of the indispensable issues in the mission, vision, and core values of the gifted high school. Based on theory and practice surveyed at 5 gifted high schools in the Mekong Delta region, we analyze the principles and propose effective solutions to develop the school-based curriculum, responding to gifted high school students' competency. Research results show that this is an issue of both topical and long-term significance.

Keywords: high school for the gifted, principle, solution, school-based curriculum, competency.